

SỬ DỤNG Củng Cố Tích CỰC TRONG DẠY HỌC DỰA TRÊN QUAN ĐIỂM CỦA B.F. SKINNER

ThS. TRẦN THỊ PHƯƠNG HUYỀN*

Burrhus Frederic Skinner (1904-1990) là nhà tâm lý học Mỹ nổi tiếng trên thế giới và là nhân vật hàng đầu trong *thuyết hành vi* thế kỷ XX. Ông cùng các cộng sự kiên trì thực nghiệm hình thành ở động vật, ở người các hành vi mà ông gọi là hành vi tạo tác. *Hành vi tạo tác* và *kích thích củng cố* là hai khái niệm trung tâm trong toàn bộ công trình nghiên cứu của B.F. Skinner.

1. Thuyết hành vi tạo tác

Kế thừa và phát triển thuyết hành vi cổ điển của Watson với công thức S - R (kích thích - phản ứng), B.F. Skinner tiếp tục lấy hành vi cơ thể là đối tượng nghiên cứu, tuy nhiên, ông tập trung vào hành vi tạo tác. Nếu như hành vi có điều kiện nhằm tiếp nhận kích thích thì thuyết hành vi tạo tác nhằm tạo ra kích thích củng cố.

Các thực nghiệm truyền thống theo thuyết hành vi tạo tác được tiến hành trên chuột hoặc chim bồ câu. Ông cho con vật vào "lồng Skinner", con vật bị tước mất thức ăn và được tạo mọi điều kiện để tìm hiểu cái hộp. Khi con vật được thả vào lồng, lúc đầu chưa biết nhấc chiếc đòn bẩy hay mở vào đĩa. Trong trường hợp này, người làm thực nghiệm vút các viên thức ăn cho chuột mỗi khi nó di chuyển tới gần đòn bẩy. Sau đó chỉ vút thức ăn khi con chuột chạm vào đòn bẩy. Sự củng cố được tăng lên theo chiều hướng đến mức con chuột tự phát nhấn đòn bẩy mỗi khi có nhu cầu ăn. Trong phần xạ này, yếu tố củng cố (phần thưởng củng cố hay hình phạt) là tác nhân quan trọng, giúp con vật chủ động tạo ra các phản ứng.

Xét về mặt sinh học, việc củng cố có cơ sở từ những phần xạ có điều kiện, xuất phát từ sơ đồ S - R. Nếu như trong sơ đồ cổ điển S - R, các kích thích S đóng vai trò là tín hiệu để xuất hiện hành vi thì trong sơ đồ của thuyết hành vi tạo tác, vai trò của tín hiệu này được chuyển vào trong hành vi củng cố. Nói cách khác, trong hành vi củng cố, việc củng cố đóng vai trò kích thích (S) trong sơ đồ S - R. Do đó, ta có thể diễn đạt nó theo công thức S - s - r - R. Khi có kích thích (S) thì xuất hiện hành vi (r), hành vi này được củng cố (s) sẽ xuất hiện hành vi sau cùng (R). Toàn bộ kích thích

(S - r - s) chứa hành vi củng cố được xem là kích thích S trong sơ đồ S - R. Về bản chất, cả hai hành vi này đều theo sơ đồ chung là *kích thích - phản ứng*, nhưng trong hành vi tạo tác thì tính chủ động lớn hơn rất nhiều (vì nếu cần hành vi lặp lại, chỉ cần tạo ra kích thích củng cố). Theo tác giả, hành vi có điều kiện tiếp nhận một kích thích củng cố và kích thích củng cố được tạo ra nhờ hành vi tạo tác. Thực chất của loại hành vi tạo tác là thay thế kích thích này bằng kích thích khác. Như vậy, nếu hành vi kèm theo kích thích củng cố thì cường độ hành vi tạo tác sẽ tăng lên.

2. Củng cố tích cực (CCTC) trong dạy học

1) *Khái niệm củng cố*. *Củng cố* là những tác nhân (trong đó kết quả được coi là một tác nhân) làm cho hành vi được xuất hiện với tần số cao hơn, cường độ mạnh hơn. Trong đó, có sự tham gia của vật củng cố - là tác nhân nào đó nhờ đẩy củng cố hành vi tiếp sau. Theo sơ đồ *Hành vi* → *Vật củng cố* → *Hành vi* được lặp lại hay được củng cố.

2) *Các loại củng cố*: - *CCTC*: Là củng cố hành vi bằng cách thể hiện một kích thích mong muốn sau khi có một hành vi. Khi nhận được loại củng cố này sẽ có những hành vi tích cực tốt hơn trước khi nhận được củng cố; - *Củng cố tiêu cực*: Là loại củng cố làm giảm thiểu hành vi không mong muốn ở người được củng cố. Sử dụng loại củng cố này để cho người được củng cố thấy cái sai của họ, giảm hành vi sai và quay trở lại hành vi đúng.

3) *Vai trò của CCTC trong dạy học*. Trong dạy học, việc củng cố hành vi tích cực cho học sinh (HS) đóng vai trò hết sức quan trọng. Nhờ có củng cố, HS tiếp tục phát huy được hành vi tốt của mình và giảm được những hành vi chưa tốt, từ đó mau chóng tiến bộ hơn. Theo B.F. Skinner, hành vi tạo tác chính là "tác động ngược lại" có thể nhìn thấy củng cố. Những hành vi của HS được củng cố sẽ đóng vai trò là cơ sở để hình thành những hành vi tiếp theo, nhờ vậy mà quá trình dạy học có thể đạt được mục tiêu, phù hợp với mục đích giáo dục.

* Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

Trong quá trình dạy học, có nhiều hành vi tích cực của HS cần được củng cố như: *phát biểu xây dựng bài, tích cực đọc tài liệu, ghi chép bài đầy đủ, chú ý nghe giảng, không nói chuyện riêng, lễ phép với giáo viên (GV), làm đầy đủ bài tập khi được giao, không quay bài, đi học đúng giờ, làm bài kiểm tra đạt kết quả cao...* Nếu GV sử dụng CCTC sẽ giúp: tăng cường tinh thần học tập và tính chuyên cần của HS, khuyến khích HS học tập cố gắng hơn, HS chú ý nghe giảng hơn, hứng thú với môn học hơn; thêm gắn bó với GV...

4) Cách sử dụng CCTC trong dạy học. Một trong những giải pháp quan trọng và hữu ích khi sử dụng CCTC trong dạy học là khen thưởng. Thực tế, GV đã sử dụng nhiều biện pháp này; tuy nhiên, để sử dụng như một hình thức củng cố thì không phải là ai cũng hiểu và vận dụng tốt được. Theo B.F. Skinner, để lời khen có hiệu quả và có tác dụng củng cố, GV cần tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- *Tùy thuộc hành vi được khen thưởng.* Khi sử dụng củng cố phải tùy thuộc vào hành vi được củng cố, phải làm sáng tỏ hành vi được củng cố và tin cậy vào củng cố. Nghĩa là, GV phải làm cho HS nhận thấy giá trị của sự củng cố đối với kết quả của mình. Trong khen ngợi, cần khen đúng hành vi đáng được khen. Chẳng hạn, khi đề ra một mục tiêu nào đó, HS đạt được nó sẽ được khen thưởng, không khen thưởng những hành vi không liên quan. Ví dụ, khi HS hay phát biểu ý kiến, GV cần khen ở tinh thần xây dựng bài chứ không nên khen HS ngoan ngoãn hay chăm chỉ, bởi lẽ điều đó chưa thể đánh giá được khi chỉ thông qua một hành động.

- *Làm sáng tỏ hành vi được khen thưởng.* Khi đưa ra lời ca ngợi hay khi tặng phần thưởng, HS phải hiểu được việc ca ngợi, hiểu được giá trị của hành vi được ca ngợi, được tặng quà đó. Ví dụ, khi HS được điểm cao ở bài kiểm tra thì GV nên phê là: *Em làm bài đúng, có nhiều sáng tạo, rất xứng đáng được điểm 10, nếu GV chỉ phê: cần cố gắng hơn nữa hoặc em rất chăm chỉ...* thì chưa thể chắc chắn hành vi đó sẽ được lặp lại, bởi GV chưa chỉ rõ vì sao em được 10 điểm để tạo nên sự tin tưởng và thành tích đáng lặp lại của HS.

- *Khen thưởng phải dựa trên năng lực và giới hạn cá nhân.* Quy sự thành công của HS vào nỗ lực và khả năng của HS để tạo ra sự tin tưởng và lặp lại thành tích.

- *Cần làm cho phần thưởng trở thành vật củng cố thực sự.* Sau sự củng cố đó, những hành vi tiếp theo của HS sẽ được củng cố tốt hơn và cứ như vậy lại được củng cố. Muốn vậy, GV phải sử dụng vật củng cố tốt. Vật củng cố trong dạy học có thể là: *lời khen, điểm tốt, quà tặng, cho đi tham quan...* Ngoài ra, có thể sử dụng vật củng cố mang tính chất vui vẻ và sinh động

hơn như việc phong tặng các danh hiệu: *"nhà bác học tương lai", "kiện tướng giải bài tập"...*

- *Theo học thuyết của Skinner*, con người sẽ có xu hướng lặp lại những hành vi mà họ nhận được những đánh giá tích cực (khen thưởng), còn những hành vi không được thưởng hoặc bị phạt sẽ có xu hướng không được lặp lại. Tuy nhiên, tác dụng của các tác động tăng cường như thưởng - phạt phụ thuộc vào khoảng thời gian giữa thời điểm xảy ra hành vi và thời điểm thưởng hoặc phạt, khoảng thời gian này càng ngắn thì hiệu quả tác động đến hành vi càng cao. Vì thế, hiệu quả của khen ngợi còn phụ thuộc vào thời điểm, hoàn cảnh và tần số khen ngợi: + Việc khen ngợi cần được tiến hành ngay sau khi có hành vi tích cực, nếu việc khen diễn ra trước hoặc để lâu mới khen thì không có hiệu quả; + Khen trước tập thể lớp để đảm bảo củng cố có hiệu quả đối với những HS khác, nếu chỉ khen một mình HS đó thì hiệu quả chỉ có trong phạm vi hẹp... Hơn nữa, cần củng cố một cách định kì để đảm bảo hành vi tích cực được lặp lại với những hoàn cảnh tương tự.

Tuy không phải là người đầu tiên nghiên cứu ảnh hưởng của khen thưởng lên hành vi, nhưng những nghiên cứu của B.F. Skinner giúp chúng ta thấy được: khi kiểm soát được củng cố, sẽ kiểm soát được hành vi; sự CCTC để thay đổi hành vi thì hiệu quả hơn so với trừng phạt. Vì vậy, để có thể giúp HS lặp lại những hành vi tích cực, GV nên sử dụng CCTC trong dạy học, đặc biệt là sử dụng khen thưởng. Sử dụng khen thưởng theo quy tắc của B.F. Skinner là một giải pháp để củng cố có hiệu quả trong quá trình dạy học ngày nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc. **Hành vi và hoạt động**. NXB Giáo dục, H. 1983.
2. Phạm Minh Hạc. **Tuyển tập Tâm lý học**. NXB Giáo dục, H. 2002.
3. Phan Trọng Ngọ. **Các lý thuyết phát triển tâm lý người**. NXB Đại học sư phạm, H. 2002.

SUMMARY

Positive reinforcement is a view of B.F. Skinner. This view helps us to control behavior and change behavior. This has more effectiveness than punishment in the process of education. So that, to help the learners do positive behaviors again and again, the teachers should use positive reinforcement in education, for example using reward. Using reward based on B.F. Skinner's view is one of solutions to reinforce positively.